



# tesa® 64620

## Thông tin Sản phẩm



### Băng keo film hai mặt

#### Product Description

tesa® 64620 là băng keo hai mặt, bao gồm một lớp nền PP trắng và lớp keo cao su tổng hợp (hotmelt). Với đặc tính kết dính hotmelt, tesa® 64620 không chất dung môi và kết dính ban đầu cao.

tesa® 64620 được bảo vệ bởi giấy lót trắng silicone.

#### Ứng dụng

- Dán sàn
- Mục đích cố định chung

#### Technical Information (average values)

The values in this section should be considered representative or typical only and should not be used for specification purposes.

#### Cấu tạo sản phẩm

|                            |                 |                          |                     |
|----------------------------|-----------------|--------------------------|---------------------|
| • Lớp nền                  | PP film         | • Màu sắc                | trắng               |
| • Loại keo                 | cao su tổng hợp | • Màu lớp lót            | nâu                 |
| • Vật liệu lớp lót (liner) | glassine        | • Định lượng của lớp lót | 78 g/m <sup>2</sup> |
| • Độ dày                   | 185 µm          | • Độ dày lớp lót         | 70 µm               |

#### Thuộc tính / Giá trị hiệu suất

|                             |         |                                 |            |
|-----------------------------|---------|---------------------------------|------------|
| • Độ giãn dài tối đứt       | 700 %   | • Kháng lực kéo trượt tĩnh 40°C | tốt        |
| • Lực kéo căng              | 30 N/cm | • Kháng lực kéo trượt tĩnh 70°C | trung bình |
| • Chịu nhiệt trong dài hạn  | 40 °C   | • Khả năng chống lão hóa (UV)   | thấp       |
| • Chịu nhiệt trong ngắn hạn | 80 °C   | • Độ dính ban đầu               | rất tốt    |

#### Độ kết dính trên

|                    |           |                                      |           |
|--------------------|-----------|--------------------------------------|-----------|
| • PE (ban đầu)     | 5 N/cm    | • PVC (sau 14 ngày)                  | 10 N/cm   |
| • PE (sau 14 ngày) | 8 N/cm    | • thép (ban đầu)                     | 9.5 N/cm  |
| • PP (ban đầu)     | 8.5 N/cm  | • thép (sau 14 ngày)                 | 14.5 N/cm |
| • PP (sau 14 ngày) | 12.5 N/cm | • thép (mặt có lớp lót che, ban đầu) | 10.5 N/cm |
| • PVC (ban đầu)    | 7.5 N/cm  |                                      |           |



# tesa® 64620

Thông tin Sản phẩm

## Thông tin thêm

Thích hợp vật liệu sàn không chất làm dẻo

## Disclaimer

sản phẩm của tesa® được cải tiến chất lượng theo yêu cầu và được quản lý chặt chẽ từ giai đoạn sản xuất. Tất cả các thông tin và tư vấn sản phẩm được cung cấp dựa trên kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức của chúng tôi. Tuy nhiên, tesa SE không thể đảm bảo hay quy định một cách rõ ràng hoặc ngụ ý, có bao gồm nhưng không giới hạn cho mục đích sử dụng cụ thể. Do đó, người tiêu dùng nên nhận định sản phẩm tesa đang sử dụng có phù hợp cho mục đích sử dụng mà khách hàng đang nhắm tới hay không, có phù hợp với phương pháp mà khách hàng sử dụng hay không. Nếu có bất kỳ sự nghi ngờ nào, đội ngũ kỹ thuật của chúng tôi rất vui lòng để tư vấn cho quý khách

để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=64620>